

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 20/9/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tôn Thị Xuân Thủy**

Các thẩm phán: **Bà Mai Vân Anh**

Bà Phương Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trương Việt Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Như Quỳnh** - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **N.H.M.Đ**, sinh năm 1991; cư trú tại: số 5Q6 ngõ 118 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **P.T.T.D**, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: số 5Q6 ngõ 118 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận H.M, Thành phố Hà Nội; hiện cư trú tại: số 75 Tam Trinh, phường Mai Động, quận H.M, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - anh **N.H.M.Đ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **P.T.T.D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội ngày 23/12/2017. Sau kết hôn, vợ chồng chung

sống hòa thuận được một thời gian, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị D mắc bệnh trầm cảm, anh đã khuyên giải và tìm cách chữa bệnh nhưng bệnh tình của chị D không giảm, chị D tự ý mở tiệm Spa ở nhà đứng tên anh. Ngoài ra, vợ chồng không có tiếng nói chung trong vấn đề nuôi dạy con, quản lý kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Nay anh nhận thấy hôn nhân rơi vào bế tắc, tình cảm vợ chồng không còn và không có thiện chí quay lại chung sống cùng nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung : vợ, chồng có 01 con chung là cháu M, sinh ngày 17/7/2019. Sau khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Vì hiện nay thu nhập của anh khoảng 20 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, anh có bố hỗ trợ trong việc chăm sóc con; có nơi cư trú ổn định và công việc của anh có thể đảm bảo được thời gian để chăm sóc cho con.

Về tài sản, nhà, đất chung: anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung : anh và chị D xác nhận không vay nợ ai chung và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn là chị P.T.T.D trình bày : chị xác định thời gian, điều kiện kết hôn đúng như anh Đ đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể chia sẻ, dẫn đến tình cảm không thể hàn gắn. Trước yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N.H.M.Đ có 01 con chung là cháu M, sinh ngày 17/7/2019. Hiện nay anh Đ đang nuôi con và không cho chị đón con, không cho con về nhà ngoại. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và vấn đề cấp dưỡng chị sẽ tự thỏa thuận với anh Đ. Trường hợp vợ chồng không thể thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do chị có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, chị đang làm nhiều công việc nên mức thu nhập đến từ nhiều nguồn, khoảng 40 triệu đồng/tháng và công việc của chị có thể chủ động về thời gian nên hoàn toàn có

thể đảm bảo được việc nuôi con. Ngoài ra, chị D xuất trình các tài liệu thể hiện việc bố, mẹ và các chị gái chị D cam kết, hỗ trợ, giúp đỡ chị D sau khi ly hôn.

Về tài sản, nhà, đất chung: chị và anh Đ tự thỏa thuận. Trường hợp không thể thỏa thuận được với nhau, chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: chị và anh Đ xác nhận không vay nợ ai chung và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ - ST ngày 25-6-2024 của Tòa án nhân dân Quận H.M đã Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N.H.M.Đ đối với chị P.T.T.D. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: anh N.H.M.Đ và chị P.T.T.D thuận tình ly hôn. Về con chung: xác nhận anh N.H.M.Đ và chị P.T.T.D có 01 con chung là cháu M, sinh ngày 17/7/2019. Giao con chung cho chị P.T.T.D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung : ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Anh N.H.M.Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị P.T.T.D là 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét, giải quyết. Về công nợ chung: các đương sự xác nhận không có công nợ chung.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân quận H.M còn giải quyết về án phí và xác định quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

* Sau khi Tòa án nhân dân quận H.M xét xử sơ thẩm:

Ngày 25/6/2024 anh N.H.M.Đ nộp đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử xem xét lại về việc giao nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh. Chị P.T.T.D đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định là phù hợp nên không căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của kiểm sát viên và đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

Anh N.H.M.Đ có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/6/2024, nộp đơn kháng cáo ngày 25/6/2023 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi là kháng cáo hợp lệ.

[2] Tòa án nhân dân quận H.M, xác định tranh chấp Hôn nhân & Gia đình và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

[3] Nội dung kháng cáo của anh N.H.M.Đ về phần giao con chung đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung..

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án mà cấp sơ thẩm thu thập lời trình bày của các đương sự, xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng anh Đ chị D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ có yêu cầu xin ly hôn chị D cũng đồng ý nên cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh N.H.M.Đ và chị P.T.T.D có 01 con chung là cháu M, sinh ngày 17/7/2019.

Theo quy định của pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Nguyên vọng về nuôi con của anh Đ và chị D là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người làm cha làm mẹ đối với con và cả hai anh chị đều có điều kiện để đảm bảo nuôi con. Xét thấy cháu Minh hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, chị D có điều kiện về thời gian để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con hơn anh Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy có căn cứ để giao cháu M cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con

chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N.H.M.Đ.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đ/tháng và anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Anh N.H.M.Đ phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N.H.M.Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ-ST ngày 25/6/2024 của tòa án nhân dân Quận H.M cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: anh N.H.M.Đ và chị P.T.T.D thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: xác nhận anh N.H.M.Đ và chị P.T.T.D có 01 con chung là cháu M, sinh ngày 17/7/2019.

Giao con chung cho chị P.T.T.D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Anh N.H.M.Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị P.T.T.D là 3.000.000 đồng/tháng.

Việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh N.H.M.Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị P.T.T.D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét, giải quyết.

4. Về công nợ chung: các đương sự xác nhận không có công nợ chung.

5. Về án phí: Anh N.H.M.Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh N.H.M.Đ đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H.M, Thành phố Hà Nội theo biên lai số 0011488 ngày 06/5/2024.

II. Án phí phúc thẩm: anh N.H.M.Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BLTU/23/0033982 ngày 09-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.M, thành phố Hà Nội.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20-9- 2024./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự Q.H.M
- TAND Q.H.M.
- Lưu: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔN THỊ XUÂN THỦY